

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 02 - 2023
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Mua.
2. Ông Trần Văn Bé Hai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 396/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Minh T, sinh năm 1989; địa chỉ ấp H1, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Văn Q1, sinh năm 1979; địa chỉ ấp H1, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Bùi Thị Minh T trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Lê Văn Q1 tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 30/5/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Q2, huyện H2, tỉnh Vĩnh Long. Sau lễ cưới vợ chồng về chung sống với cha mẹ chị tại ấp H1, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế bị thiếu hụt làm cho vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi. Sau đó, anh Q1 hay ghen tuông vô cớ cho rằng chị quen người đàn ông khác bên ngoài. Mặc dù, chị và cha mẹ chị đã nhiều lần khuyên giải anh Q1, đề

vợ chồng điều hòa mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm nhưng không đạt kết quả. Anh Q1 vẫn tiếp tục ghen tuông vô cớ và dùng lời lẽ thiếu tôn trọng đối với cha mẹ chị dẫn đến mất hạnh phúc. Nên chị và anh Q1 sống ly thân từ tháng 9/2022 đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh Q1.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị và anh Q1 có với nhau 02 người con chung tên Lê Ngọc Tường V, sinh này 30/01/2012 và Lê Ngọc Diễm M, sinh ngày 07/11/2016 hiện các cháu do chị đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu V và cháu M, không yêu cầu anh Q1 cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản hòa giải ngày 09 và 19 tháng 12 năm 2022, bị đơn anh Lê Văn Q1 trình bày:

Thông nhất lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân, con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Theo yêu cầu khởi kiện, anh có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn, muốn được đoàn tụ vì còn tình cảm với chị T.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đồng ý giao cháu V và cháu M cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Anh Q1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu về ly hôn và tranh chấp về nuôi con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về thủ tục xét xử: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Q1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại

khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Q1 theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị T, anh Q1 là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ nguyên nhân mâu thuẫn về kinh tế, anh Q1 hay ghen tuông vô cớ và có lời lẽ thiếu tôn trọng đối với cha mẹ chị T được anh Q1 thừa nhận. Xét mâu thuẫn diễn ra trong thời gian dài, không điều hòa được dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc, chị T, anh Q1 có thời gian sống ly thân từ tháng 9/2022 đến nay không trở về đoàn tụ. Do đó, lời trình bày của anh Q1, không đồng ý ly hôn, muốn được đoàn tụ vì còn tình cảm với chị T là không có cơ sở. Xét trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với anh Q1. Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, đủ cơ sở kết luận hôn nhân giữa chị T và anh Q1 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị T và anh Q1.

[2] Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị T, anh Q1 có với nhau 02 người con chung là cháu V đã trên 10 tuổi và cháu M đã trên 06 tuổi, hiện các cháu đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên vọng của cháu V là sau khi cha mẹ ly hôn muốn được tiếp tục sống với chị T. Xét trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q1 đồng ý giao cháu V và cháu M cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chị T không yêu cầu anh Q1 cấp dưỡng cho con. Căn cứ vào Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu V và cháu M cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến của chị T không yêu cầu anh Q1 cấp dưỡng cho con, anh Q1 có quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết chị T phải chịu án phí giải quyết ly hôn số tiền 300.000 đồng và được khấu trừ xong vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Minh T và anh Lê Văn Q1.

2. Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Lê Ngọc Tường V, sinh này 30 tháng 01 năm 2012 và cháu Lê Ngọc Diễm M, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2016 cho chị Bùi Thị Minh T được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận ý kiến của chị Bùi Thị Minh T không yêu cầu anh Lê Văn Q1 cấp dưỡng cho con.

2.3. Anh Lê Văn Q1 có quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Bùi Thị Minh T phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số N_o 0011008 ngày 12 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Bùi Thị Minh T, vắng mặt anh Lê Văn Q1. Báo cho chị T có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh Q1 vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- ND + BD: 02;
- UBND xã Q2: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Cao Minh Tân

